

16. XÃ TÂN PHƯỚC 1

STT	Tuyến Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 865	Ranh xã Hưng Thạnh	Cầu Kênh 13	1.050
		Cầu Kênh 13	Cầu kênh 10	1.650
		Cầu kênh 10	Ranh xã Tân Phước 2	2.600
2	Đường tỉnh 867	Vòng Xoay	Ranh xã Tân Phước 3	2.600
		Vòng Xoay	Cầu kênh 500	2.600
		Cầu Kênh 500	Kênh Bao Ngạn	1.300
		Kênh Bao Ngạn	Cầu Trương Văn Sanh	1.050
		Cầu Trương Văn Sanh	Cầu Tràm Mù	1.050
		Tràm Mù	Ranh Chợ Bắc Đông (trừ dây nền cụm dân cư mặt tiền Đường tỉnh 867)	1.050
3	Đường tỉnh 867 (cũ)	Từ vòng xoay	Kênh Nguyễn Văn Tiếp	2.600
		Kênh Nguyễn Văn Tiếp	Đường tỉnh 867 mới (trước cổng chùa Phật đá)	2.600
4	Đường tỉnh 874	Đường tỉnh 867 (theo hướng Đường H cũ và Đường số 15 cũ)	Điểm giao giữa Đường số 15 cũ và Đường tỉnh 874 cũ	2.400
		Điểm giao giữa Đường số 15 cũ và Đường tỉnh 874 cũ	Ranh xã Tân Phước 3	2.400
5	Đường tỉnh 874 (cũ)	Đường tỉnh 867 (cũ)	Đường tỉnh 874 (ngã 3 Đường số 15 cũ)	2.400
6	Đường huyện 42 (Nam Trương Văn Sanh)	Ranh xã Tân Phước 2	Ranh Hưng Thạnh	750
7	Đường huyện 41 (Nam Tràm Mù)	Ranh xã Tân Phước 2	Kênh Lộ Mới	700
		Lộ Mới	Kênh Chín Hần	650
		Kênh Chín Hần	Láng Cát	650
		Đoạn còn lại		650



109

8	Đường huyện 40 (Bắc Đông)	Ranh xã Tân Phước 2	Kênh 82 (trừ dây nền Tuyến dân cư Bắc Đông (mặt tiền Đường huyện 40))	700
		Từ kênh 82	Chín Hân (trừ dây nền cụm dân cư Tân Hòa Đông)	700
		Chín Hân	Đến Láng Cát	650
9	Đường huyện 45 (Chín Hân)	Ranh Hưng Thạnh	Bắc Đông	650
10	Đường huyện 45B (Láng Cát)	Bắc Đông	Ranh Hưng Thạnh	650
11	Lộ Thanh Niên	Ranh xã Tân Phước 3	Cổng Ụ Tàu	1.350
		Cổng Ụ Tàu	Đường tỉnh 874 cũ	1.800
12	Khu phố Chợ Tân Phước	Toàn khu		4.350
13	Đường E, Đường vào Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Tân Phước cũ	Toàn tuyến		2.200
14	Đường nội ô khu phố chợ (dây đối diện dây B2); Lộ Thanh Niên (từ cổng Ụ Tàu đến Đường tỉnh 874)	Toàn tuyến		1.800
15	Các thửa đất tiếp giáp phía Tây chợ Tân Phước (kênh Lấp khu vực chợ mở rộng)	Toàn tuyến		1.300
16	Các thửa tiếp giáp cụm, tuyến, Khu dân cư (khu 1)	Toàn tuyến		1.300
17	Đường đan (từ Quán Huyện đến Trung tâm Văn hóa và Thể thao xã)	Toàn tuyến		1.350
18	Tuyến kênh Lấp	Toàn tuyến		1.350
19	Cụm dân cư (Chợ)	Toàn khu		1.350



Ng

20	Khu vực chợ cũ	Toàn khu		1.350
21	Đường số 5	Đoạn từ Đường tỉnh 874 (cũ)	Trường Mầm non thị trấn Mỹ Phước cũ)	1.350
22	Tuyến Đường đan (khu phân lô bán nền của bà Nguyễn Thị Mận)	Đường tỉnh 874 (cũ)	Kênh Tắc	1.350
23	Đường Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp	Toàn tuyến		850
24	Tuyến Đông kênh Nguyễn Tấn Thành	Toàn tuyến		950
25	Đường kênh Cà Dăm	Toàn tuyến		950
26	Đông Lộ Mới	Đường tỉnh 865	Trương Văn Sanh	950
		Trương Văn Sanh	Kênh Tràm Mù	750
		Kênh Tràm Mù	Đông Bắc	650
27	Đường Tây kênh Lộ Mới	Toàn tuyến		850
28	Lộ Kênh 5	Toàn tuyến		950
29	Kênh Tám Nghi	Đường tỉnh 867	Kênh Cà Dăm	1.550
30	Đường bờ đê Nông trường	Toàn tuyến		750
31	Các thửa đất cặp kênh Thập Mười số 2 (Nguyễn Văn Tiếp) (khu 2)	Toàn tuyến		750
32	Đường đông Rạch Đào (Đường huyện 45C cũ)	Toàn tuyến		750
33	Đường đông kênh 17	Đường tỉnh 865	Đường Nam Trương Văn Sanh	750
34	Đường Tây kênh 500	Đường Bắc kênh 500	Đường Nam kênh Chấn lửa.	750
35	Bắc Trương Văn Sanh	Ranh xã Tân Phước 2	Lộ Mới	650
		Lộ Mới	Kênh 82	750
36	Bắc Tràm Mù	Ranh Tân Phước 2	Lộ Mới	650
37	Tây kênh 82	Kênh Bắc Đông	Kênh Trương Văn Sanh	650
38	Bắc kênh Trung Tâm	Kênh Lộ Mới	Kênh 82	650

39	Đường Tây kênh 500 song song Tây Lộ mới	Kênh Trương Văn Sanh	Bắc Đông	650
40	Đông kênh ranh Thạnh Tân	Kênh Trương Văn Sanh	Bắc Đông	650
41	Đường Nam Bao Trám (Nam kênh 2000)	Kênh Lộ Mới	Kênh Ranh xã Tân Phước 2	650
42	Bắc kênh Ông Địa	Kênh Lộ Mới	Kênh 82	650
		Đông kênh 82	Chín Hần	650
43	Cụm dân cư Tân Hòa Đông	Mặt tiền Đường huyện 40		850
		Khu vực còn lại		650
44	Cụm dân cư Bắc Đông và chợ Thạnh Mỹ	Toàn khu		950
45	Tuyến dân cư Bắc Đông	Toàn tuyến		850
46	Đường vào bãi rác Tân Phước 2	Đường tỉnh 867	Ranh xã Tân Phước 2	750
47	Đường Nam kênh 500	Đông Kênh 82	Láng Cát	650
48	Khu dân cư thị trấn Mỹ Phước (trừ dãy mặt tiền Đường tỉnh 867)	Toàn khu		1.350